

NGHIÊN CỨU ĐA DẠNG CÂY THUỐC Ở XÃ CÚC ĐƯỜNG, HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN

Trần Thị Ngọc Hằng^{1,2*}, Đinh Thị Phương²

¹Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên

²Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu tính đa dạng của các cây thuốc trên địa bàn xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên. Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần loài cây làm thuốc ở đây khá phong phú và đa dạng. Nghiên cứu đã xác định được 234 loài thuộc 186 chi, 82 họ của 4 ngành thực vật bậc cao có mạch (Thông đất, Cỏ Tháp bút, Dương xỉ và Ngọc lan). Trong đó ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có số lượng cây thuốc phong phú nhất với 222 loài (chiếm 94,87%), 176 chi (chiếm 94,62%), 72 họ (chiếm 87,80%). Có 35 họ đa dạng nhất trong tổng số 82 họ cây thuốc ở khu vực nghiên cứu (chiếm 42,68%). 10 chi có từ 3 loài trở lên trong tổng số 186 chi làm thuốc (chiếm 5,14%). Các loài cây thuốc thuộc 4 dạng thân chính: thân thảo chiếm ưu thế với 95 loài (40,59%), thân gỗ 61 loài (26,07%), thân bụi và thân leo đều có 39 loài (16,67%). Đã xác định được 11 bộ phận của cây làm thuốc và 11 loài cây thuốc có nguy cơ bị tuyệt chủng cần phải bảo vệ.

Từ khóa: Cây làm thuốc, phong phú, đa dạng, dạng sống, xã Cúc Đường.

Ngày nhận bài: 28/6/2019; Ngày hoàn thiện: 16/7/2019; Ngày đăng: 27/7/2019

A STUDY ON MEDICINAL PLANTS DIVERSITY IN CUC DUONG COMMUNE, VO NHAI DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE

Tran Thi Ngoc Hang^{1,2*}, Dinh Thi Phuong²

^{1,2}Thai Nguyen Department of Education and Training

²University of Education - TNU

ABSTRACT

This paper presents a study on the diversity of medicinal plants in Cuc Duong commune, Vo Nhai district, Thai Nguyen province. The results showed that the composition of medicinal plant species there is moderately rich and diverse. Many of the medicinal plants have been recorded. Out of them a total number of 234 species belonging to the 186 genera, 82 families of four divisions of vascular plants (Lycopodiophyta, Equisetophyta, Polypodiophyta and Magnoliophyta) are observed. In which, the division Magnoliophyta has the most abundant medicinal plants with 222 species (94.87%), 176 genera (94.62%), 72 families (87.80%). There are 35 most diverse families out of 82 medicinal plants in the study area (42.68%) are found. 10 genera, which have from 3 species or more, out of 186 genera that can be used for medicine are listed (5.14%). The medicinal plants belong to 4 main forms: herbaceous plants, woody plants, shrub plants and climbing plants. Among them, herbaceous plants dominate with 95 species (40.59%), woody species is 61 species (26.07%), shrub plants and climbing plants account with 39 species each (16.67%). The survey showed that, there are 11 parts of plant which can be used for medicine and 11 endangered medicinal plants are determined and thus need to be protected.

Key words: Medicinal plants, abundant, diversity, life forms, Cuc Duong commune

Received: 28/6/2019; Revised: 16/7/2019; Published: 27/7/2019

* Corresponding author. Email: quanhangmanhtn@gmail.com

1. Mở đầu

Cúc Đường là một xã miền núi nằm ở phía Bắc của huyện Võ Nhai, cách trung tâm huyện là 25km, cách thành phố Thái Nguyên 30km về phía Nam. Xã nằm ở phía Đông khu vực giữa của huyện và tiếp giáp với xã Thượng Nung ở phía Bắc, xã Vũ Chấn ở phía Đông Bắc, xã Lâu Thượng ở phía Đông Nam, xã La Hiên ở phía Tây và Tây Nam. Tổng diện tích tự nhiên toàn xã 3442,30 ha, trong đó, diện tích đất lâm nghiệp 2801,36 ha (chiếm 81,38% diện tích đất tự nhiên) gồm rừng sản xuất 1512,99 ha, rừng đặc dụng 1251,32 ha, rừng phòng hộ 37,04 ha. Xã Cúc Đường thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, nhiệt độ trung bình từ 24 - 25°C, lượng mưa trung bình 1800-2000 mm/năm, đó là điều kiện thuận lợi cho thực vật nói chung và cây thuốc nói riêng phát triển. Toàn xã có 2.846 người sinh sống ở 5 thôn với mật độ dân số 95 người/km², có 6 dân tộc gồm Kinh, Tày, Nùng, Dao, Sán chay, Mông, trong đó dân tộc Tày chiếm tỷ lệ cao nhất. Người dân trong xã chủ yếu sống bằng nghề nông, lâm nghiệp, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, dẫn đến các hoạt động khai thác cây thuốc, cây gỗ, cây cảnh, rau rừng...[1] để làm kế sinh nhai diễn ra hàng ngày là một trong những nguyên nhân làm suy giảm nguồn tài nguyên thực vật, nhiều loài có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng. Vì vậy, việc điều tra nghiên cứu đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở xã Cúc Đường có ý nghĩa thiết thực, góp phần bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc của địa phương.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp điều tra ngoài thực địa:

Sử dụng phương pháp điều tra theo tuyến để tiến hành thu thập các dẫn liệu về thành phần khu hệ thực vật. Cách thu mẫu, xử lý, bảo quản và làm tiêu bản thực vật thực hiện theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [2]. Thời gian điều tra, thu mẫu từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 1 năm 2019.

2.2. Phương pháp trong phòng thí nghiệm:

Các loài thực vật được xác định bằng phương pháp hình thái so sánh và xác định các thông tin bổ sung dựa vào các tài liệu của Phạm Hoàng Hộ (2003) [3], Nguyễn Tiến Bân (chủ biên) và cs 2003, 2005 [4]; Thực vật làm thuốc xác định theo các tài liệu của Võ Văn Chi (2012) [5], Đỗ Tất Lợi (1999) [6], kết hợp với phỏng vấn người dân để bổ sung thông tin về thành phần, phân bố và công dụng các loài cây thuốc,... Đánh giá mức độ nguy cấp của các loài cây thuốc theo Sách Đỏ Việt Nam (2007, phần Thực vật) [7], Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ [8], Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam trong “Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ” của Nguyễn Tập (2007) [9].

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đa dạng các bậc taxon thực vật làm thuốc ở xã Cúc Đường

3.1.1. Đa dạng ở mức độ ngành

Tiến hành điều tra thu thập mẫu ngoài thực địa đã thống kê được 270 loài, 207 chi, 87 họ thuộc 4 ngành thực vật bậc cao có mạch. Trong đó thực vật có giá trị làm thuốc là 234 loài (chiếm 86,67% tổng số loài thu được), 186 chi (chiếm 89,86% tổng số chi), 82 họ (chiếm 94,25% tổng số họ) của 4 ngành thực vật bậc cao có mạch (Thông đất, Cỏ Thấp bút, Dương xỉ, Ngọc lan). Trong số thực vật làm thuốc thì ngành Thông đất (Lycopodiophyta) và Cỏ thấp bút (Equisetophyta) có số loài, chi, họ thực vật làm thuốc ít nhất, cụ thể: ngành Thông đất (Lycopodiophyta) có 2 loài (chiếm 0,85% tổng số loài ghi nhận được), 2 chi (chiếm 1,08%), 2 họ (chiếm 2,44%); Ngành Cỏ thấp bút (Equisetophyta) có 1 loài (chiếm 0,43%), 1 chi (chiếm 0,54%), 1 họ (chiếm 1,22%). Sau đó là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 9 loài (chiếm 3,85%), 7 chi (chiếm 3,76 %), 7 họ (chiếm 8,54%). Phong phú nhất cả về số loài, số chi và số họ là ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) với 222 loài (chiếm 94,87%), 176 chi (chiếm

94,62%), 72 họ (chiếm 87,80%). Trong đó lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 173 loài (77,93%), 142 chi (80,68%), 58 họ (80,56%), so với lớp Hành (Liliopsida) với 49 loài (chiếm 22,07%), 34 chi (19,32%), 14 họ (19,44%). Tỷ lệ loài giữa lớp Ngọc lan/lớp Hành là 3,5/1 cho thấy lớp Ngọc lan chiếm ưu thế và đóng vai trò chủ đạo trong hệ thực vật làm thuốc ở khu vực nghiên cứu.

3.1.2. Đa dạng ở mức độ họ

Để thấy được mức độ đa dạng họ cây thuốc ở khu vực nghiên cứu, chúng tôi đã thống kê các họ có từ 3 loài trở lên, kết quả cho thấy có 35 họ đa dạng nhất trong tổng số 82 họ cây thuốc ở khu vực nghiên cứu (chiếm 42,68%), với 130 chi trong tổng số 186 chi cây thuốc (chiếm 69,89%), có 168 loài trong tổng số 234 loài cây thuốc (chiếm 71,79%). Trong đó họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) là đa dạng nhất với 13 loài (chiếm 5,56%). Tiếp đến là họ Cúc (Asteraceae) 11 loài (chiếm 4,7%). Họ Đậu (Fabaceae) 9 loài (chiếm 3,85%). Hai họ với 8 loài là họ Dâu tằm (Moraceae) và họ Lúa (Poaceae) đều chiếm 3,42%. Hai họ với 7 loài (chiếm 2,99%) là họ Gừng (Zingiberaceae), họ Rau dền (Amaranthaceae), Ba họ với 6 loài (chiếm 2,56%) là họ Ô rô (Acanthaceae), họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Hoa môi (Lamiaceae). Sáu họ mỗi họ có 5 loài (chiếm 2,56%) gồm họ Hoa tán (Apiaceae), họ Ngũ gia bì (Araliaceae), họ Tiết dê (Menispermaceae), họ Đơn nem (Myrsinaceae), họ Cà phê (Rubiaceae), họ Cam (Rutaceae). Các họ còn lại có số loài chiếm tỷ lệ thấp (dưới 2,0%) gồm: họ Chuối (Musaceae), họ Hoa mõm chó (Scrophulariaceae), họ Đào lộn hột (Anacardiaceae) đều có 4 loài. 15 họ có 3 loài là họ Thiên lý (Asclepiadaceae), họ Măng cụt (Clusiaceae), họ Khoai lang (Convolvulaceae), họ Sở (Dilleniaceae), họ Ban (Hypericaceae), họ Long não (Lauraceae), họ Bông (Malvaceae),...

3.1.3. Đa dạng ở mức độ chi

Chúng tôi đã thống kê được 10 chi đa dạng nhất (có từ 3 loài trở lên), kết quả cho thấy có

1 chi *Ficus* có số loài nhiều nhất (4 loài, chiếm 1,71%), 9 chi mỗi chi có 3 loài (chiếm 1,28%) đó là: *Justicia*, *Amaranthus*, *Garcinia*, *Phyllanthus*, *Litsea*, *Clausena*, *Clerodendron*, *Dioscorea*, *Curculigo*. Như vậy trong khu vực nghiên cứu có 10 chi có từ 3 loài trở lên trong tổng số 186 chi làm thuốc (chiếm 5,38%). Trong 10 chi có 31 loài trên tổng số 234 loài cây thuốc, chiếm 13,25%. Kết quả nghiên cứu đa dạng các bậc taxon thực vật làm thuốc ở xã Cúc Đường phù hợp với kết quả của nhiều tác giả khác [10], [11]...

3.2. Đa dạng về thành phần dạng sống thực vật làm thuốc

Trong quá trình điều tra thành phần dạng sống của thực vật làm thuốc ở khu vực nghiên cứu chúng tôi dựa vào các tài liệu [5], [6] để phân loại dạng sống cây thuốc. Kết quả trong số 234 loài cây thuốc thu được, dạng thân thảo có số lượng nhiều nhất (95 loài, chiếm 40,60%), tiếp theo là dạng thân gỗ có 61 loài (chiếm 26,07%), sau đó là dạng thân bụi và thân leo đều có 39 loài (chiếm 16,67%). Trong các ngành thực vật, sự phân bố các dạng thân cũng rất khác nhau. Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có nhiều dạng thân nhất: thân thảo có 85 loài (chiếm 36,32% tổng số loài cây thuốc ghi nhận được), thân gỗ có 61 loài (chiếm 26,07%); thân bụi có 39 loài (chiếm 16,67%); thân leo có 36 loài (chiếm 15,38%). Sau đó là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) dạng thân thảo nhiều nhất có 7 loài (chiếm 2,99%); dạng thân leo có 3 loài (chiếm 1,28%); không có cây thân gỗ và thân bụi. Ngành Thông đất (Lycopodiophyta) chỉ có dạng thân thảo với 2 loài (chiếm 0,85%). Ngành Cỏ thắp bút (Equisetophyta) có 1 loài dạng thân thảo (chiếm 0,43%).

3.3. Đa dạng các bộ phận thực vật sử dụng làm thuốc

Dựa vào công dụng của các loài thực vật làm thuốc, chúng tôi đã thống kê được 11 bộ phận của cây được dùng làm thuốc, kết quả cụ thể là:

Sử dụng lá làm thuốc có số lượng loài nhiều nhất, với 81 loài (chiếm 34,62% tổng số loài

cây làm thuốc) gồm: Thôi ba lông vàng (*Alangium kurzii*), Dền com (*Amaranthus lividus*), Dền gai (*Amaranthus spinosus*), Rau dệu (*Alternanthera bettzickiana*), Sấu (*Dracontomelum duperreanum*), Muối (*Rhus chinensis*), Dền đỏ (*Xylopiá vielana*), Dây cao su (*Ecdysanthera rosea*), Nhọ nôi (*Elipta alba*), Mần tưới (*Eupatorium fortunei*),...

Dùng toàn cây làm thuốc có 70 loài (chiếm 29,91%) gồm: Chân chim (*Schefflera heptaphylla*), Múc lông mềm (*Wrightia pubescens*), Dây hạt bí (*Dischidia acuminata*), Đon buốt (*Bidens pilosa*), Dây thìa canh (*Gymnema sylvestre*), Ngải cứu (*Artemisa vulgaris*), Giảo cổ lam (*Gymnostemma pentaphyllum*), Chó đẻ răng cưa (*Phyllanthus urinaria*), Đậu ma (*Pueraria phaseoloides*), ...

Dùng rễ làm thuốc có 62 loài, chiếm 26,50%: Me rừng (*Phyllanthus emblica*), Phèn đen (*Phyllanthus reticulatus*), Thầu dầu (*Ricinus communis*), Móng bò (*Bauhinia championii*), Thành ngành nam (*Cratoxylon cochinchinensis*), Màng tang (*Litsea cubeba*), Bời lời lá tròn (*Litsea monopetala*), Vòng vang (*Abelmoschus moschatus*), Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria*), Dướng (*Broussonetia papyrifera*), Vú bò lông (*Ficus hirta*), ...

Dùng thân làm thuốc có 32 loài, chiếm 13,68% gồm các loài: Trương vân (*Toona sureni*), Mã đề (*Plantago major*), Dây ông lão (*Clematis armandii*), Huyết đằng (*Sargentodoxa cuneata*), Hàm ếch (*Saururus chinensis*), Thạch xương bồ (*Acorus gramineus*), Ráy (*Alocasia macrorrhiza*),...

Sử dụng quả làm thuốc có 28 loài, chiếm 11,97% như: Chay bặc bộ (*Artocarpus tonkinensis*), Mướp rừng (*Parabaena sagitta*), Sung quả nhỏ (*Ficus lacor*), Sim (*Rhodomyrtus tomentosa*), Chua ngút (*Embelia laeta*), Mâm xôi (*Rubus alcaefollius*), Hồng bì (*Clausena lansium*), Chuối tiêu (*Musa acuminata*), Chuối hột (*Musa balbisiana*),...

Vỏ được dùng làm thuốc có 25 loài, chiếm 10,68% như: Thanh táo (*Justicia gendarussa*), Xoan nhừ (*Choerospondias axillaris*), Sữa (*Alstonia scholaris*), Thừng mực trâu (*Holarrhena antidysenterica*), Ngũ gia bì thường (*Acanthopanax gracilistylis*), Ngũ gia bì gai (*Acanthopanax trifoliatum*), Đon châu châu (*Aralia armata*), Cây gạo (*Bombax ceiba*), Bứa (*Garcinia oblongifolia*), Thành ngành nam (*Cratoxylon cochinchinensis*),...

Dùng hạt làm thuốc có 19 loài, chiếm 8,12% gồm: Thừng mực trâu (*Holarrhena antidysenterica*), Muồng lông (*Cassia hirsuta*), Bìm bìm (*Merremia bimbim*), Ba đậu lá nhót (*Croton cascarilloides*), Ba đậu (*Croton tiglium*), Bò kết (*Gleditsia australis*), Dây bàm bàm (*Entada phaseoloides*), Mã tiền lông (*Strychnos nigrifolia*),...

Bộ phận sử dụng làm thuốc là thân rễ có 16 loài, chiếm 6,84% gồm: Thiên niên kiện (*Homalomena occulta*), Củ gấu (*Cyperus rotundus*), Cỏ gừng (*Panicum repens*), Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*), Riềng (*Alpinia officinarum*), Khúc khắc (*Heterosmilax gaudichaudiana*), Nghệ vàng (*Curcuma aeruginosa*), Nga truật (*C. zedoaria*), Gừng (*Zingiber officinale*), Gừng gió (*Zingiber zerumbet*),...

Dùng rễ củ làm thuốc có 13 loài, chiếm 5,56% gồm: Bách bộ đá (*Stemona saxorum*), Chuối sen (*Musa coccinea*), Sâm cau (*Curculigo gracilis*), Chuối rừng (*Musa sp.*), Củ mài (*Dioscorea persimilis*), Môn nước (*Colocasia esculenta*), Chìa vôi (*Cissus tribola*), Gai (*Boehmeria nivea*), Gai rừng (*Boehmeria nivea*),...

Sử dụng nhựa, chất mù làm thuốc có 8 loài, chiếm 3,42% gồm: Lài trâu (*Tabernaemontana bovina*), Tai chua (*Garcinia cowa*), Lọng bàng (*Dillenia turbinata*), Sui (*Antiaris toxicaria*), Sung quả nhỏ (*Ficus lacor*), Vả (*Ficus auriculata*), Duối (*Streblus aspe*),...

Dùng cành làm thuốc có 5 loài, chiếm 2,14% như: Ké đầu ngựa (*Xanthium inaequilaterum*), Màng tang (*Litsea cubeba*), Dây tơ mảnh (*Hiptage bengalensis*), Mâm xôi (*Rubus alcaefolius*), Xuyên tiêu (*Zanthoxylum nitidum*).

Trong 11 bộ phận sử dụng làm thuốc qua thống kê có thể thấy, lá cây được sử dụng làm thuốc chiếm số loài nhiều nhất, tiếp đến là toàn cây, bộ rễ, thân, quả, vỏ, hạt, thân rễ, rễ củ, nhựa, chất mù. Bộ phận cành sử dụng làm thuốc có số lượng loài ít nhất.

3.4. Các loài cây thuốc có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng tại xã Cúc Đường

Kết quả nghiên cứu được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Các loài cây thuốc có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng tại khu vực nghiên cứu

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Mức độ bảo tồn		
			SDVN	DLĐCT	NĐ 32
	Araliaceae	Họ Ngũ gia bì			
1	<i>Acanthopanax trifoliatum</i> (L.) Voss.	Ngũ gia bì gai	EN		
	Burseraceae	Họ Trám			
2	<i>Canarium tramdenum</i> Dai. & Yakov.	Trám đen	VU		
	Loganiaceae	Họ Mã tiền			
3	<i>Strychnos igratif</i> Berg.	Mã tiền lông	VU		
	Menispermaceae	Họ Tiết dê			
4	<i>Fibraura tinctoria</i> Lour.	Hoàng đằng			IIA
5	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	Củ bình vôi			IIA
	Myrsinaceae	Họ Đơn nem			
6	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Lá khô	VU		
	Polygonaceae	Họ Rau răm			
7	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Haraldson	Hà thủ ô đỏ	VU	EN	
	Ranunculaceae	Họ Mao lương			
8	<i>Coptis quinquesecta</i> W. T. Wang.	Hoàng liên chân gà	CR	CR	IA
	Rubiaceae	Họ Cà phê			
9	<i>Morinda officinalis</i> How.	Ba kích		EN	
	Dioscoreaceae	Họ Củ nâu			
10	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain. & Burk.	Củ mài, Hoài sơn		VU	
	Orchidaceae	Họ Lan			
11	<i>Anoectochilus setaceus</i> Blume	Lan kim tuyến	EN	EN	IA

***Ghi chú:** Nguy cấp (EN); Sẽ nguy cấp (VU); Nhóm thực vật rừng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (IA); Nhóm thực vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (IIA); Sách Đỏ Việt Nam (SDVN); Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ (NĐ32); Danh lục Đỏ cây thuốc (DLĐCT)

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy có 11 loài cây thuốc bị đe dọa có nguy cơ tuyệt chủng thuộc 10 họ (chiếm 12,20% tổng số họ cây thuốc ghi nhận được). Theo Sách Đỏ Việt Nam (2007) có 7 loài, trong đó có loài Hoàng liên chân gà (*Coptis quinquesecta*) ở mức độ rất nguy cấp (CR), 2 loài ở mức độ nguy cấp (EN) gồm: Ngũ gia bì gai (*Acanthopanax trifoliatum*), Lan kim tuyến (*Anoectochilus setaceus*), 4 loài ở mức độ sẽ nguy cấp (VU) gồm: Trám đen (*Canarium tramdenum*), Mã tiền lông (*Strychnos igratif*), Lá khô

(*Ardisia silvestris*) và Hà thủ ô đỏ (*Fallopia multiflora*). Theo Danh lục đỏ cây thuốc có 5 loài, trong đó loài Hoàng liên chân gà (*Coptis quinquesecta*) ở mức độ rất nguy cấp (CR), 3 loài ở mức độ nguy cấp (EN) gồm: Hà thủ ô đỏ (*Fallopia multiflora*), Ba kích (*Morinda officinalis*), Lan kim tuyến (*Anoectochilus setaceus*), 1 loài Củ mài (*Dioscorea persimilis*) ở mức độ sẽ nguy cấp (VU). Theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ có 4 loài thực vật làm thuốc bị đe dọa, trong đó 2 loài thuộc Phụ lục IA (Nhóm thực vật rừng

nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại) gồm: Hoàng liên chân gà (*Coptis quinquesecta*), Lan kim tuyến (*Anoetochilus setaceus*), 2 loài thuộc Phụ lục IIA (Nhóm thực vật rừng hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại) gồm: Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria*), Củ bình vôi (*Stephania rotunda*).

Đây là những loài cây thuốc có nguy cơ tuyệt chủng. Vì vậy chính quyền địa phương cần có những giải pháp quản lý, khai thác và phát triển có kế hoạch nhằm bảo vệ các nguồn gen cây thuốc rất quý này tại địa phương.

KẾT LUẬN

Thành phần loài cây thuốc ở xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên khá phong phú và đa dạng. Đã xác định được 234 loài thuộc 186 chi, 82 họ của 4 ngành thực vật bậc cao có mạch (Thông đất, Cỏ Tháp bút, Dương xỉ và Ngọc lan). Trong đó ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có số lượng cây thuốc phong phú nhất với 222 loài (chiếm 94,87%), 176 chi (chiếm 94,62%), 72 họ (chiếm 87,80%). Có 35 họ đa dạng nhất trong tổng số 82 họ cây thuốc ở khu vực nghiên cứu (chiếm 42,68%). Có 10 chi (từ 3 loài trở lên) trong tổng số 186 chi làm thuốc (chiếm 5,14%). Các loài cây thuốc thuộc 4 dạng thân chính: thân thảo chiếm ưu thế với 95 loài (40,59%), thân gỗ 61 loài (26,07%), thân bụi và thân leo đều có 39 loài (16,67%). Đã xác định được 11 bộ phận của cây làm thuốc và 11 loài cây thuốc có nguy cơ bị tuyệt chủng cần phải bảo vệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. UBND xã Cúc Đường, *Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Cúc Đường*, 2015.
2. Nguyễn Nghĩa Thìn, *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb Đại học QG Hà Nội, 2007.
3. Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ Việt Nam*, Nxb Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, 2003.
4. Nguyễn Tiến Bân (chủ biên) và cs, *Danh lục các loài thực vật Việt Nam* (tập 2-3), Nxb Nông nghiệp Hà Nội, 2003-2005.
5. Võ Văn Chi, *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nxb Y học Hà Nội, 2012.
6. Đỗ Tất Lợi, *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb KHKH Hà Nội, 1999.
7. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, *Sách Đỏ Việt Nam* (phần II- Thực vật), Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ Hà Nội, 2007.
8. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, *Nghị định số 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*. Hà Nội, 2006.
9. Nguyễn Tập, *Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam*, Viện Dược liệu, Hà Nội, 2007.
10. Đỗ Công Ba, Lê Ngọc Công, Lê Đồng Tấn, “Đánh giá đa dạng hệ thực vật và tài nguyên cây thuốc tại Khu di tích lịch sử Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang”. *Báo cáo Hội nghị Khoa học toàn quốc lần thứ 7 về Sinh thái và TNSV*, Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ Hà Nội, 2017.
11. Lê Thị Thanh Hương, Ngô Đức Phương, Hoàng Thị Tươi, Đinh Thế An, Nguyễn Trung Thành, “Điều tra cây thuốc và giá trị sử dụng theo kinh nghiệm của đồng bào dân tộc Sán Dìu ở tỉnh Thái Nguyên”, *Tạp chí Khoa học – ĐHQG Hà Nội*, 30(3), tr. 7-16, 2014.